



CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



BÀI TẬP CUỐI TUẦN 1

Môn Toán

I. Phần trắc nghiệm Khoanh vào câu trả lời đúng nhất

Bài 1: Từ 0 đến 5 có bao nhiêu số?

- A. 4 B. 5 C. 6 D. 2

Bài 2: Có 3 cái kẹo chia thành hai phần. Hỏi có mấy cách chia?

- A. 3 B. 1 C. 2 D. 5

Bài 3: Trong các số: 5, 2, 0, 4, 3. Số lớn nhất là:

- A. 10 B. 5 C. 7 D. 3

II. Phần 2

Bài 1: Số?

0			3						9	
---	--	--	---	--	--	--	--	--	---	--

10	9							2		
----	---	--	--	--	--	--	--	---	--	--

Bài 2: > , < , =

2 4 7 5 3 2 2 2

1 0 5 5 10 9 8 6

Bài 3: Tính ?

1	2	1
+	+	+
1	1	2
_____	_____	_____
.....		



CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



Môn Tiếng Việt

Câu 1:

Đọc thành tiếng các âm:

e b

Câu 2:

Đọc thành tiếng các tiếng:

be bé bẻ bệ bè bẽ

Câu 3:

Gạch dưới những chữ *e*:

em bé quả me khóm tre xe đạp

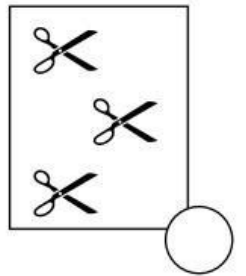
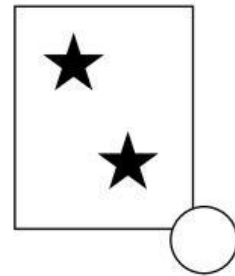
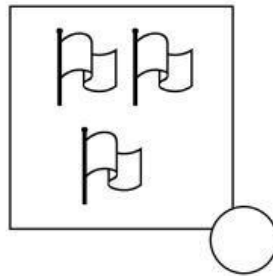
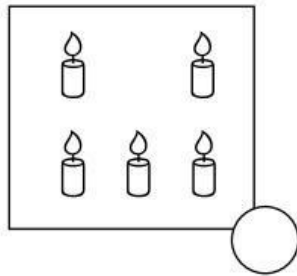
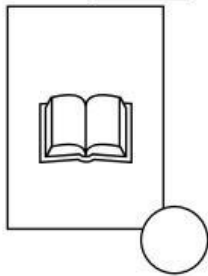
Môn Toán

Câu 1. Viết số từ 1 đến 10:

[illegible]

Câu 2	Số
-------	-----------

?



Câu	Số
1	1
2	2
3	3
4	4
5	5
6	6
7	7
8	8
9	9
10	10
11	11
12	12
13	13
14	14
15	15
16	16
17	17
18	18
19	19
20	20
21	21
22	22
23	23
24	24
25	25
26	26
27	27
28	28
29	29
30	30
31	31
32	32
33	33
34	34
35	35
36	36
37	37
38	38
39	39
40	40
41	41
42	42
43	43
44	44
45	45
46	46
47	47
48	48
49	49
50	50
51	51
52	52
53	53
54	54
55	55
56	56
57	57
58	58
59	59
60	60
61	61
62	62
63	63
64	64
65	65
66	66
67	67
68	68
69	69
70	70
71	71
72	72
73	73
74	74
75	75
76	76
77	77
78	78
79	79
80	80
81	81
82	82
83	83
84	84
85	85
86	86
87	87
88	88
89	89
90	90
91	91
92	92
93	93
94	94
95	95
96	96
97	97
98	98
99	99
100	100

?

	1	2		4	
	5			2	

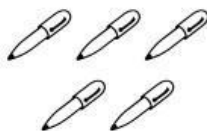
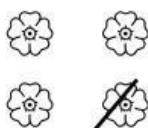
		3		5
	4		2	

Câu 4. Gạch bớt cho thích hợp (theo mẫu):





CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



Câu 5.

3

4

1

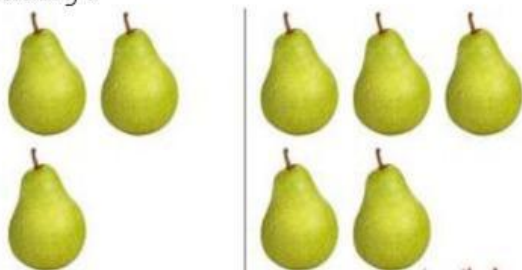
Quan sát tranh và điền số vào dấu? để được so sánh đúng?



2 < ?

Câu 6:

Quan sát tranh và điền số vào chỗ (....) để được so sánh đúng.



3 <

Câu 7:

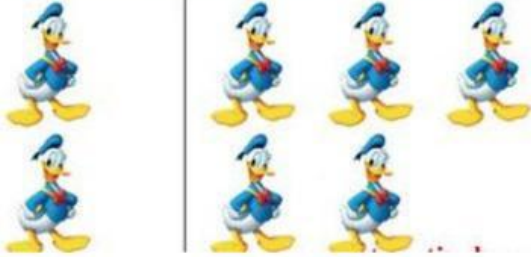
Quan sát tranh và điền dấu >, < hoặc = vào chỗ (...) để được so sánh đúng.



1 2

Câu 8:

CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN

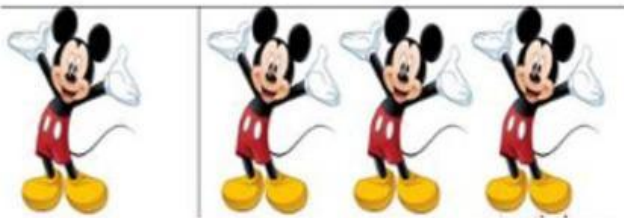


2 < 5 đọc là:

- ☐ A. Hai lớn hơn năm
- ☐ B. Hai nhỏ hơn năm
- ☐ C. Hai bằng năm

Câu 9:

Quan sát và cho biết khẳng định nào đúng với nội dung hình vẽ.



- ☐ A. Hai bé hơn ba
- ☐ B. Một bé hơn hai
- ☐ C. Một bé hơn ba

Câu 10:

Quan sát tranh và điền dấu thích hợp vào dấu?



4 ? 2

- ☐ A. <

CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



☐ B. >

☐ C. =

Câu 11:

Điền số thích hợp vào dấu? theo quan sát tranh.



? > 1

Câu 12:

Quan sát tranh và chọn đáp án phù hợp.



☐ A. $5 < 2$

☐ B. $4 < 2$

☐ C. $5 > 2$

☐ D. $4 > 2$

Câu 13:

Quan sát tranh và điền dấu >, < vào dấu ? cho phù hợp.



3 ? 2

☐ A. <

☐ B. >



BÀI TẬP CUỐI TUẦN 3

Môn Toán

I, Phần trắc nghiệm

Khoanh vào câu trả lời đúng nhất

Bài 1: Hà có số kẹo nhiều hơn 7 nhưng lại ít hơn 9. Hỏi Hà có mấy cái kẹo?

- A. 10 B. 7 C. 8 D. 6

Bài 2: Cho các số: 1, 2, 0, 4, 5. Tìm 2 số cộng lại bằng 3

- A. 1 và 2 B. 2 và 0 C. 5 và 2 D. 1 và 4

Bài 3: Có 5 số bé hơn 5

- A. Đúng B. Sai

Bài 4: Cho

	2			5
--	---	--	--	---

Các số thích hợp lần lượt điền vào ô trống là:

- A. 1, 3, 5 B. 1, 2, 3 C. 1, 3, 4 D. 1, 2, 4

II, Phần 2

Bài 1: Nối phép tính với số thích hợp

1 +	2 +	1 +	2 +
	2	4	3

Bài 2: >, <, = ?

- | | | |
|---------------|---------------|--------------|
| 2 1 + 2 | 3 1 + 3 | 4 1 + 1 |
| 4 3 + 1 | 3 2 + 1 | 3..... 2 + 2 |



CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN LỚP 1 - TUẦN 4

Môn Toán

(Cha mẹ học sinh nêu yêu cầu, hướng dẫn con học bài)

Bài 1. Số?

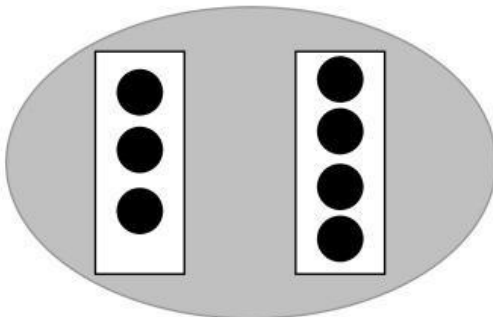
9		7			4			1	
---	--	---	--	--	---	--	--	---	--

0		2		4				8	
---	--	---	--	---	--	--	--	---	--

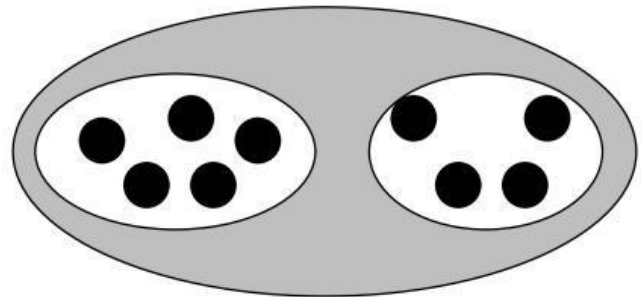
	8		6			3		1	
--	---	--	---	--	--	---	--	---	--

9				5		3			0
---	--	--	--	---	--	---	--	--	---

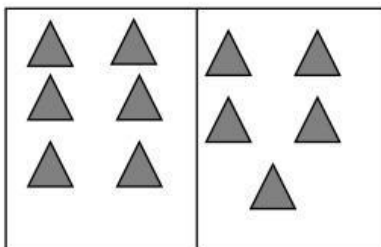
Bài 2. Viết (theo mẫu):



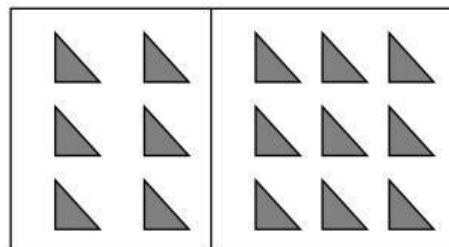
3	<	4
---	---	---



--	--	--

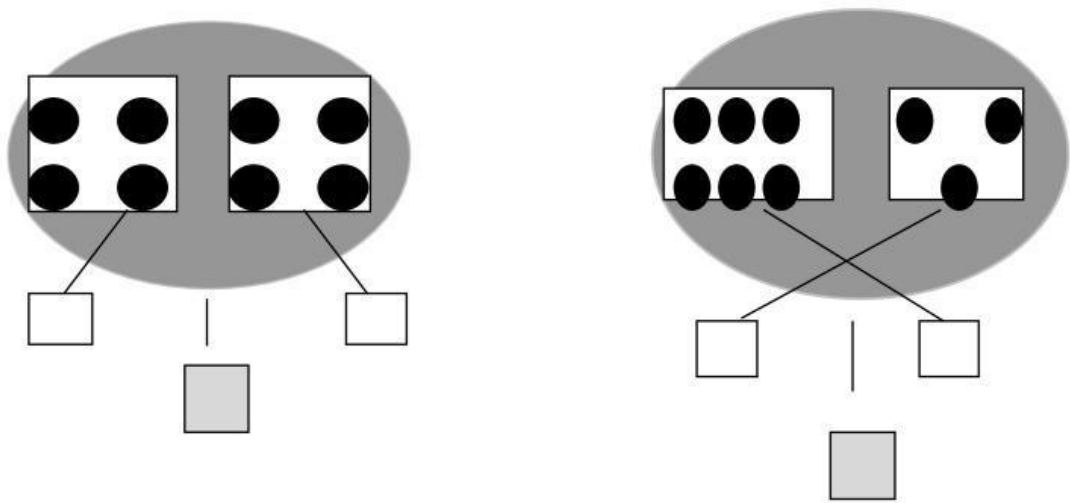


--	--	--

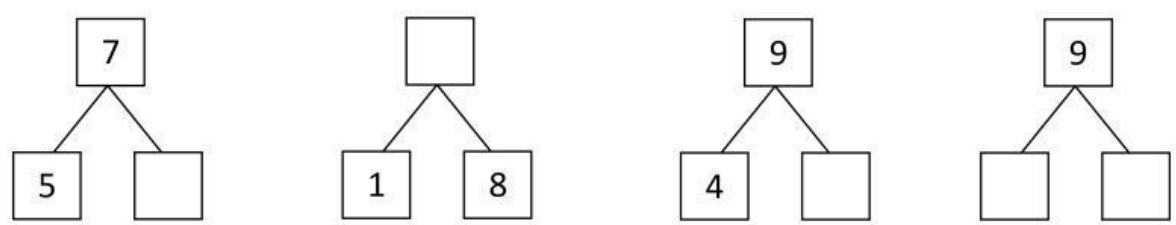


--	--	--

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống:



Bài 4. Số?



Bài 5. Điền dấu <, >, = ?

6 8	5 4	9 4	6 6	2 0
7 ... 7	3 5	4 4	0 1	8 9
3 0	3 6	2 7	4 8	3 3

Bài 6. Số?

2 >	5 <	9 >	5 =	8 <
1 >	3 =	6 >	4 <	7 >
2 < < 4	0 < < 2	9 > > 7	8 > > 6	5 > >

2



Bài 7. Viết các số 3; 9; 8; 0; 5:

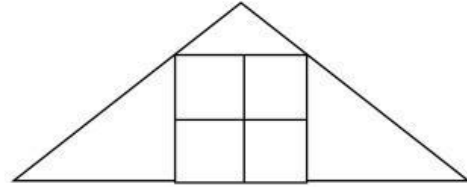
a, Theo thứ tự từ bé đến lớn:;;;;

b, Theo thứ tự từ lớn đến bé:;;;;

Bài 8. Trong hình bên có:

.... hình vuông.

.... hình tam giác





CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN LỚP 1 - TUẦN 5

Môn Toán

Bài 1: Cho các số: 3, 1, 0, 6, 8, 10, 7

a, Số bé nhất là:

Số lớn nhất là:

b, Số ở giữa 6 và 8 là:

c, Viết các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn :

Bài 2 : Nối với số thích hợp

$$\square < 3 - 2$$

$$\square > 4 - 1$$

$$2 < \square < 5$$

5

0

4

Bài 3: Điền số thích hợp vào

$$4 = 3 + \square$$

$$1 = 2 - \square$$

$$\square + \square = 3$$

$$\square - \square = 0$$

$$1 + \square = 4$$

$$\square - 1 = 2$$

$$3 - \square = 2$$

$$\square + 5 = 5$$

Bài 4: Tâm có số kẹo ít hơn 10 nhưng nếu thêm 2 cái kẹo nữa thì lại nhiều hơn 10. Hỏi Tâm có mấy cái kẹo?

Tâm cócái kẹo. Vì < 10 và + 2 > 10



CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



TIẾNG VIỆT

***/ Đọc:**

1. Kiểu vần chỉ có âm chính:

a e ê i (y) o ô ơ u ư

2. Kiểu vần có âm đệm và âm chính:

oa oe uê uy uơ

3. Kiểu vần có âm chính và âm cuối:

an at ăn ăt ân ăt ...

***/ Đọc – viết:** (Các em luyện đọc rồi viết bằng bút mực vào vở chính tả ở nhà.)

Nhà bé Ngát ở phố. Ngày Chủ Nhật, bố mẹ cho Ngát về nhà bà. Nhà bà rất mát mẻ và có đủ thứ: ngô, sắn, quả nhãn, quả cam, quả khế, ... Ở sân nhà bà có cả đàn gà. Ngát về nhà bà, bà tất bật lo cho bé.

***/ Bài tập 1.** Em hãy lần lượt đưa các tiếng khá, giẻ, nghĩ vào mô hình rồi đọc mô hình:

***/ Bài tập 2.** Em hãy lần lượt đưa các tiếng qua, nguy, thuở vào mô hình rồi đọc mô hình:

***/ Bài tập 3.** Em hãy lần lượt đưa các tiếng phán, phát, chấn, chất, mặn, mật vào mô hình rồi đọc mô hình:

Chú ý: Trước mỗi buổi học, các con phải đọc lại bài đã học 5 lần, viết bài tập đọc vào vở Chính tả (ở nhà) và tập đọc trước bài mới 5 lần.



CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN LỚP 1 - TUẦN 6

--- Môn Toán ---

Bài 1. Tính:

$1 + 1 = \dots$	$2 + 1 = \dots$	$2 + 2 = \dots$
$3 + 1 = \dots$	$1 + 3 = \dots$	$1 + 2 = \dots$
$1 + 1 + 1 = \dots$	$2 + 1 + 1 = \dots$	$1 + 2 + 1 = \dots$

Bài 2. Tính:

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

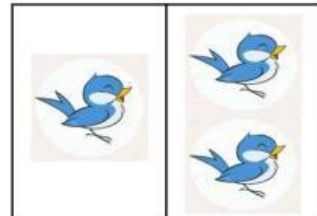
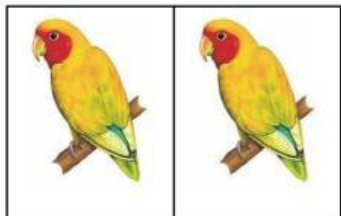
$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

Bài 3. Viết phép tính thích hợp vào ô trống (theo mẫu):



1	+	1	=	2
---	---	---	---	---

	+		=	
--	---	--	---	--

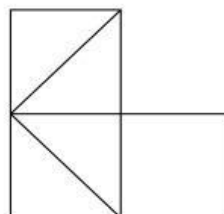
	+		=	
--	---	--	---	--

Bài 4. Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

Hình bên có:

... hình vuông

... hình tam giác





CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



--- Môn Tiếng Việt ---

I. Đọc thành tiếng:

a. Các âm:

ch	gh	gi	kh	ng
nh	nh	ph	th	tr

b. Các câu:

Lớp Một ơi! Lớp Một!
Đón em vào năm trước
Nay giờ phút chia tay
Gửi lời chào tiến bước!
Chào bảng đen cửa sổ
Chào chỗ ngồi thân quen

II. Viết: (Cha mẹ đọc cho các con viết vào vở chính tả ở nhà)

Nghé hôm nay đi thi
Cũng dậy từ gà gáy
Người dắt trâu mẹ đi
Nghé vừa đi vừa nhảy.



CON VUI HỌC GIỎI TOÁN MỖI TUẦN



PHIẾU BÀI TẬP CUỐI TUẦN LỚP 1 - TUẦN 7

*/ TOÁN

Bài 1. Tính:

$1 + 3 = \dots$	$2 + 3 = \dots$	$1 + 4 = \dots$
$3 + 1 = \dots$	$3 + 2 = \dots$	$4 + 1 = \dots$
$2 + 2 = \dots$	$3 + 0 = \dots$	$0 + 5 = \dots$
$3 + 1 + 1 = \dots$	$1 + 4 + 0 = \dots$	$2 + 0 + 2 = \dots$

Bài 2. Tính:

$$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 1 \\ + \\ 4 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

$$\begin{array}{r} 2 \\ + \\ 1 \\ \hline \end{array}$$

.....

Bài 3. Số?

$\dots + 3 = 5$	$2 + \dots = 4$	$1 + 4 + \dots = 5$
$1 + \dots = 5$	$\dots + 2 = 2$	$\dots + 2 + 1 = 4$

Bài 4. >, <, =?

$1 + 4$	...	3	5	...	$4 + 1$
$3 + 1$	...	5	4	...	$5 + 0$
$1 + 1 + 2$	...	$3 + 2$	$3 + 1$	...	$2 + 2 + 1$
$1 + 4 + 0$	...	$2 + 3$	$4 + 1 + 0$	...	$1 + 4 + 0$